

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/DS-ST
Ngày 22/9/2020
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.
2. Bà Phạm Thu Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2020/TLST-DS, ngày 28/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-DS, ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Thùy A**, sinh năm: 1991 và ông **Hoàng Xuân T**, sinh năm: 1988. Cùng địa chỉ: khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hồng H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp Rạch Đùng, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang và ông Trịnh Thế P, sinh năm: 1992. Địa chỉ: ấp Song Chính, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 04/12/2019).

2. Bị đơn:

- Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm: 1981.

- Ông Giang Văn M, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông P, bà T có mặt, Bà A, ông T, ông H vắng mặt, ông M có đơn xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Thế P trình bày như sau:

Ngày 01/6/2017, bà Phạm Thị Kiều T có vay của bà Lê Thị Mỹ (Mẹ ruột của bà Hoàng Thị Thùy A và ông Hoàng Xuân T) số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra bà T còn nợ tiền hụi bà Mỹ là 37.500.000 đồng. Tổng số tiền nợ hụi và nợ vay bà T còn bà Mỹ là 57.500.000 đồng. Ngày 15/6/2017, bà T có vay trực tiếp bà A số tiền 30.000.000 đồng. Việc vay tiền của bà Mỹ và bà A đều có lập biên nhận nợ.

Tháng 11/2017, bà T bị vỡ hụi, tổng số tiền bà T còn nợ bà Mỹ và bà A là 87.500.000 đồng. Bà T có hứa trả cho bà Mỹ mỗi tháng là 5.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Ngày 14/11/2018, bà Mỹ qua đời, ông Hoàng Xuân Triền cha ruột của bà A và ông T qua đời vào ngày 21/4/1999. Vợ chồng bà Mỹ, ông Triền chỉ có duy nhất 02 người con là bà A và ông T. Vì vậy bà A và ông T là người thừa kế phần tiền mà bà T đã nợ bà Mỹ.

Bà A, ông T có đòi nhiều lần nhưng bà T cố tình không trả. Nay bà A, ông T yêu cầu bà Phạm Thị Kiều T và ông Giang Văn M phải trả số nợ của bà Mỹ là 57.500.000 đồng và bà A yêu cầu PH trả số tiền nợ của bà A là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Phạm Thị Kiều T trình bày:

Ngày 01/6/2017, bà T có vay của bà Lê Thị Mỹ số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 15/6/2017, bà T có vay của bà Hoàng Thị Thùy A con bà Mỹ số tiền 30.000.000 đồng và có đóng lãi mỗi tháng 1.800.000 đồng cho bà A. Sau đó bà Mỹ lấy tiền lãi 5%/tháng trên số tiền 50.000.000 đồng là 2.500.000 đồng/tháng để đóng qua tiền hụi. Bà T thừa nhận còn nợ bà Mỹ số tiền hụi là 37.500.000 đồng, tổng số tiền bà T thừa nhận còn nợ bà Mỹ và bà A là 87.500.000 đồng.

Đến tháng 11/2017, bà T bị vỡ hụi nên bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng trong năm đầu tiên. Đến năm 2021, bà T sẽ trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi trước đó bà T không yêu cầu xem xét. Số tiền vay và tiền hụi của bà Mỹ và bà A, chồng bà T là ông Giang Văn M đều biết và số tiền này dùng để trang trải trong cuộc sống gia đình.

Do ông Giang Văn M đi làm các công trình xây dựng thời gian từ 06 tháng trở lên mới về nhà một lần, nên hiện tại ông M không có mặt tại địa phương. Các văn bản tố tụng của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì ông M đều đã nhận được nhưng không thể về kịp tham gia tố tụng tại Tòa án và có đơn xin vắng tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, ông P yêu cầu bà T, ông M trả một lần hết nợ cho bà A, ông T, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn để quá hạn nên cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, ông T buộc bà T, ông M trả cho bà A, ông T số tiền còn nợ. Bà T, ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Phạm Thị Kiều T và ông Giang Văn M có nơi cư trú tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với ông M vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bà A, ông T, ông H vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thùy A và ông Hoàng Xuân T là cơ sở chấp nhận bởi lẽ bà Phạm Thị Kiều T thừa nhận có nợ bà Lê Thị Mỹ số tiền vay và số tiền hui là 57.500.000 đồng và số tiền vay bà T nợ riêng bà A là 30.000.000 đồng. Bà A và ông T là 02 người con duy nhất của là bà Lê Thị Mỹ và ông Hoàng Xuân Triền, do bà Mỹ và ông Triền đều đã mất nên bà A và ông T là người thừa kế hợp pháp số tiền của bà Mỹ. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, bà T không có khả năng trả 01 lần hết số nợ nêu trên, mà xin trả dần cho đến khi hết nợ nhưng bà A, ông T không đồng ý mà yêu cầu trả một lần hết nợ, không yêu cầu tính lãi. Bà A, ông T yêu cầu vợ chồng bà T, ông M cùng pH trả số tiền trên là phù hợp bởi lẽ số tiền này bà T dùng cho mục đích trang trải cuộc sống gia đình nên xác định đây là trách nhiệm chung của vợ chồng bà T, ông M. Vì vậy, bà A yêu cầu bà T, ông M trả số tiền còn nợ 30.000.000 đồng và bà A, ông T yêu cầu bà T, ông M phải trả số tiền nợ bà Mỹ là 57.500.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận. Bà A, ông T không yêu cầu tính lãi và bà T không yêu cầu xem xét phần tiền lãi trước đây đã trả nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T, ông M bị buộc trả tiền nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Bà A, ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào:

Các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

Buộc bà Phạm Thị Kiều T và ông Giang Văn M phải trả cho bà Hoàng Thị Thùy A và ông Hoàng Xuân T số tiền là 57.500.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Kiều T và ông Giang Văn M phải trả cho bà Hoàng Thị Thùy A số tiền là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà A, ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T, ông M không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà T, ông M còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

Buộc bà T, ông M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.375.000 đồng.

Bà A, ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.187.500 đồng theo lai thu số 0000053 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Quyền kháng cáo: Bà A, ông T, bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tænh Kiên Giang;
- VKSND tænh Kiên Giang;
- VKSND huyænn Kiên Lööng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Nhööng ngööi TGTT;
- Lööu tápp aùn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ
THAẢM
THAẢM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN
TOØA**

Nguyễn Văn Pho

